TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 30 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Lê Lương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Ó.

2. Bà Lê Thị Bống.

- *Thư ký phiên toà:* bà Lê Thị Ngoãn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà:* ông Đinh Văn Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST – HS, ngày 20 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST – HS, ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Giàng A N, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1972 tại xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Giàng A C (đã chết) và con bà Phàng Thị C (đã chết). Có vợ là phàng Thị D, sinh năm 1977 và có 06 người con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2019 đến ngày 25/7/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp "bảo lĩnh". Bị cáo hiện đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đang bị truy nã theo quyết định truy nã số 09, ngày 14/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

2. Giàng A B, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1991 tại xã Kim B, huyện Phù

Yên, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: trồng trọt. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Giàng A N và con bà Phàng Thị D. Có vợ là phàng Thị M, sinh năm 1990 và chưa có con. Tiền án: Không. Tiền sự: đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 34/QĐ – TA, ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đang tạm đình chỉ thời gian cai nghiện theo quyết định số 122/QĐ – CSĐTNMT, ngày 28/6/2019 của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Bị bắt tạm giam từ ngày 28/6/2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Giàng A C, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1986 tại xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: trồng trọt. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Giàng A C (đã chết) và con bà Sồng Thị Ch (đã chết). Có vợ là Phàng Thị P, sinh năm 1988 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Giàng A D, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1995 tại xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: trồng trọt. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Giàng A N và bà Phàng Thị D. Có vợ là Thào Thị S, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5 Giàng A E, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2001 tại xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: trồng trọt. Trình độ học vấn: 09/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Giàng A N và bà Phàng Thị D. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: anh Thào A F, sinh năm 1978; nơi cư trú: bản Suối C, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do;

- *Người làm chứng*:

1. Ông Thào A G, sinh năm 1966; nơi cư trú: bản Ch, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Giàng A H, sinh năm 1985; nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

3. Giàng A I, sinh năm 1994; nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

4. Giàng A J, sinh năm 1962; nơi cư trú: bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

5. Thào A K, sinh năm 1963; nơi cư trú: bản Ch, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Thào A L, sinh năm 1995, trú tại bản Ch, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Phàng Thị M, sinh năm 1990; trú tại bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

8. Phàng A O, sinh năm 1989, trú tại bản Kim B, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch: ông Cầm Đình Cốc, địa chỉ: Khối 12 (nay là Tiểu khu 7), thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ con dâu của mình là Phàng Thị M có ngoại tình với anh Thào A F, sinh năm 1978, trú tại bản Suối C, xã Suối B, huyện Phù Yên, Giàng A N nảy sinh ý định theo dõi bắt quả tang việc quan hệ để phạt tiền, Giàng A N đã gọi vợ chồng Giàng A B, Phàng Thị M đến để tra hỏi việc M ngoại tình với F và bắt M phải lừa F sang để phạt tiền, đồng thời đe dọa M nếu M không làm theo sẽ bị N và B đánh, trả về N bố mẹ đẻ và đòi trả lại toàn bộ tiền thách cưới, M sợ và đồng ý làm theo sự sắp đặt của N và B. Ngày 11/5/2019 Giàng A B và vợ là M đi làm nương tại bản Kim B, xã Kim B, B nghe thấy vợ nói chuyện điện thoại và hỏi ai nói chuyện với ai, M trả lời là anh F gọi và hẹn gặp nhau ở đồi thông thuộc bản Dằn A, xã Kim B, B bảo M đi lên đồi thông trước còn B đi về N rồi gọi điện thoại cho Giàng A N, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E về N B để bàn việc, tại đây B nói với mọi người là M đang đi gặp Thào A F trên đồi thông, lúc này Giàng A N nói với mọi người "nếu thế thì đi rình xem có thật thì đưa về phạt tiền nó", nghe thấy vậy B, C, D, E đi xe máy về hướng đồi thông để tìm M, còn Giàng A N sang nhà Giàng A I bảo I đi giúp nhóm của B để đưa "thằng hẹn gặp con M về", I nhất trí rồi đi xe máy đi sau mọi người, khi đi đến khu vực đường dân sinh, phát hiện thấy chiếc xe máy nghi là của anh F để ở ven đường, Giàng A E đã ở lại trông chiếc xe máy này còn B, D, I và C chia nhau đi tìm M và F, một lúc sau B phát hiện thấy M đang đứng cạnh F, B lao vào túm cổ áo anh F và dùng tay tát 02 phát vào mặt anh F, I lao vào dùng chân đá 02 phát vào chân F và hô lên "trên này, anh em ơi", thấy vậy D, C chạy đến cùng đưa F về nhà B tại bản Kim B. Đến nơi B lấy điện thoại của F gọi cho bố mình là Giàng A N thông báo đã đưa được F về nhà, một lúc sau N đến và bảo đưa F sang nhà Giàng A J để giải quyết. Tại đây có ông Giàng A J (là chủ nhà, cũng là

anh của Giàng A N), Giàng A H (trưởng bản Kim B), anh Phàng A O (anh trai của chị M) và các đối tượng N, B, C, D, I và E cùng có mặt để giải quyết việc chị M và anh F gặp nhau trên đồi thông, lúc này C dùng dây thừng vụt vào tay, chân của anh F đồng thời vụt vào vai của chị M, còn Giàng A N bảo B đưa điện thoại cho F, bắt F gọi điện thoại cho gia đình cử người sang giải quyết, do bị uy hiếp về tinh thần nên anh F đã gọi điện thoại cho chú họ là ông Thào A K, trú tại bản Ch, xã Suối B nói lại sự việc trên, đến khoảng 20 giờ cùng ngày, ông Thào A K và Thào A L là người nhà của anh F đến nhà ông J để gặp Giàng A N để thương lượng, N nói với K và L "bắt được M và F ngoại tình với nhau, bây giờ phải nộp 60 triệu đồng thì mới cho về", ông K và L quỳ xuống xin lỗi và xin nộp phạt 10 triệu đồng nhưng N không đồng ý và nói "nếu không được từ 30 đến 40 triệu thì treo F lên đánh, không lấy tiền nữa, gặp tôi là may mắn lắm rồi, gặp người khác họ bắn súng cho bay đầu rồi", do không thương lượng được nên ông Thào A K, anh F và L đi ra ngoài nhà bàn bạc và chấp nhận nộp 30 triệu đồng, đến 08 giờ sáng ngày 12/5/2019 thì người nhà anh F là Thào A G và Thào A B mang 30 triệu đồng đến nhà Giàng A J và hai bên lập biên bản giao tiền cho Giàng A N. Trong quá trình các bị cáo đe dọa và đòi phạt tiền đối với anh F tại nhà ông J, ông Giàng A J, anh Giàng A H, anh Giàng A I (đều là họ hàng với các bị cáo) có mặt nhưng không tham gia và còn có sự căn ngăn không được đòi nhiều tiền với người nhà anh F.

Đến ngày 17/5/2019 anh Thào A F có đơn trình báo với cơ quan công an về việc bị các bị cáo cưỡng đoạt tài sản với số tiền 30.000.000,đ, cơ quan điều tra công an huyện Phù Yên đã điều tra, xác minh và khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tiến hành bắt tạm giam Giàng A N, Giàng A B, Giàng A C, còn Giàng A D và Giàng A E được cho tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

Sau khi bị đe dọa cưỡng đoạt tiền anh F đã đến bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên thăm khám và điều trị sức khỏe.

Vật chứng thu giữ: 01 dây thừng màu đỏ dài 3,8m x đường kính 0,6cm; 01 ống tre dài 57cm x đường kính 5,2cm; 01 mảnh áo mưa bằng ni lon màu tím, dài 75cm x 104cm;

Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo N đã bồi thường trả lại cho anh F số tiền 30.000.000,đ và đã tự nguyện bồi thường cho anh F thêm số tiền 5.000.000,đ, anh F đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu bồi thường thêm vấn đề gì đối với các bị cáo.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Do nghi ngờ chị Phàng Thị M là vợ của bị cáo B có ngoại tình với anh F. Ông Giàng A N (là bố chồng của chị M) nảy sinh ý định theo dõi bắt quả tang việc quan hệ để phạt tiền, ông N đã gọi vợ chồng bị cáo B, đến để tra hỏi việc M ngoại tình với F và bắt M phải lừa F sang để phạt tiền, đồng thời đe dọa M nếu

M không làm theo sẽ bị N và B đánh, trả về N bố mẹ đẻ và đòi trả lại toàn bộ tiền thách cưới, chị M sợ và đồng ý làm theo sự sắp đặt của N và B. Ngày 11/5/2019 sau khi biết được anh F và M hẹn gặp nhau ở đồi thông, các bị cáo đã bàn bạc bắt anh F về nhà và đe dọa, dùng vũ lực bắt anh F phải nộp số tiền 30 triệu đồng theo phong tục lạc hậu của người địa phương.

Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử, bị cáo Giàng A N đã bỏ trốn khỏi địa phương, không có mặt tại Tòa án, cơ quan Công an huyện Phù Yên đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo Giàng A N nhưng không có kết quả.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số: 67/CT - VKS - PY, ngày 19/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Giàng A N, Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E phạm tội Cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Giàng A N, Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 38 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng A N từ 18 đến 24 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng A B từ 12 đến 18 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 17, điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt các bị cáo Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và đề nghị Hội đồng xét xử ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với số tiền 35.000.000,đ cho người bị hại anh Thào A F.

Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01 dây thừng màu đỏ dài 3,8m x đường kính 0,6cm; 01 ống tre dài 57cm x đường kính 5,2cm; 01 mảnh áo mưa bằng ni lon màu tím, dài 75cm x 104cm;

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người bị hại anh Thào A F vắng mặt, có ý kiến không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đối với bị cáo Giàng A N trong quá trình đưa vụ án ra xét xử đã vắng mặt tại Tòa án và tại phiên tòa, qua điều tra xác minh có căn cứ bị cáo N đã bỏ trốn khỏi địa phương, không có mặt tại nơi cư trú, ngày 05/11/2019 Hội đồng xét xử đã ban hành công văn số 68/2019/CVTNBC – TA, về việc đề nghị truy nã bị cáo Giàng A N; ngày 14/11/2019 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên đã ra quyết định truy nã số 09 để truy nã bị cáo Giàng A N nhưng hết thời hạn vẫn chưa có kết quả, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo Giàng A N.

Đối với người bị hại anh Thào A F và những người làm chứng Thào A G, Thào A K, Thào A L và O A O đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, việc vắng mặt của người bị hại và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án có đầy đủ lời khai, ý kiến tại cơ quan điều tra và trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292, điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Ngày 11/5/2019, các bị cáo Giàng A N, Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E đã có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực uy hiếp tinh thần của anh Thào A F để chiếm đoạt số tiền 30.000.000,đ.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội cũng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ:

- Lời khai nhận tội của các bị cáo; Biên bản bắt giữ người; Biên bản niêm phong vật chứng; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng, phù hợp với kết quả điều tra.

Đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Giàng A N, Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E phạm tội Cưỡng đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo phạm tội với tổng số tiền là 30.000.000,đ, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự, khung hình phạt có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm và thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, tiếp tay, lan truyền các hủ tục lạc hậu mà xã hội đang dần loại bỏ, coi thường kỷ cương pháp luật, các bị cáo là người có đủ nhận thức về hành vi của mình và phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần lên mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, nhằm đảm bảo biện pháp cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo Giàng A N, Giàng A D, Giàng A C và Giàng A E không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Giàng A B không có tiền án, có 01 tiền sự, đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 34/QĐ – TA, ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đang tạm đình chỉ thời gian cai nghiện theo quyết định số 122/QĐ – CSĐTNMT, ngày 28/6/2019 của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo Giàng A N là người tổ chức, chủ mưu và trực tiếp thực hiện tội phạm, trong quá trình xét xử bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, do đó cần nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Bị cáo B là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và là đối tượng nghiện ma túy, đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị bắt buộc, do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung; cần kiến nghị với Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La về hình thức xử lý đối với thời gian cai nghiện ma túy đối với bị cáo B. Các bị cáo C, D, E với vai trò người thực hành thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra bị cáo C đang bị tạm giam để điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo D và E được cho tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, các bị cáo phạm tội do sự chỉ đạo của bị cáo N, mức độ thiệt hại không lớn do đó cần cho các bị cáo được hưởng hình phạt án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, bảo đảm chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo B, C, D, E đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực bồi thường cho người bị hại, bị cáo Giàng A N có bố đẻ là người có công với cách mạng, người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cần áp dụng cho các bị cáo B, C, D, E tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Giàng A N được áp dụng tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] *Về hình phạt bổ sung (phạt tiền)*: các bị cáo là người dân tộc, sinh sống phụ thuộc vào trồng trọt, thu nhập không ổn định, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] *Vật chứng vụ án:* Đối với 01 dây thừng màu đỏ dài 3,8m x đường kính 0,6cm; 01 ống tre dài 57cm x đường kính 5,2cm; 01 mảnh áo mưa bằng ni lon màu tím, dài 75cm x 104cm; là vật không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tích cực tự nguyện bồi thường cho người bị hại anh Thào A F số tiền 35.000.000,đ, anh F đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận và không xem xét giải quyết.

[7] Đối với ông Giàng A J, anh Giàng A H, anh Giàng A I không được bàn bạc, không biết được mục đích chiếm đoạt tiền và cũng không được hưởng lợi từ việc chiếm đoạt tiền của người bị hại, do đó hành vi của ông J, anh H, anh I không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Giàng A N, Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 38 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng A N 24 (Hai mươi tư) tháng tù, được trừ đi 30 (Ba mươi ngày) tạm giữ, tạm giam. Bị cáo còn phải thi hành tiếp là 23 (Hai mươi ba) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam (trại tạm giam, N

tạm giữ) chấp hành án hoặc ngày bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã số 09, ngày 14/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng A B 12 (Mười hai) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28 tháng 6 năm 2019.

- Kiến nghị với Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La xử lý đối với Giàng A B về việc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 34/QĐ – TA, ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đang tạm đình chỉ thời gian cai nghiện theo quyết định số 122/QĐ – CSĐTNMT, ngày 28/6/2019 của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 17, điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng A C 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Áp dụng điều 299 và điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Giàng A C đang bị tạm giam, nếu bị cáo Giàng A C không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 17, điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng A D 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 12 năm 2019.

- Xử phạt bị cáo Giàng A E 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Giao các bị cáo Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E cho Ủy ban nhân dân xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) dây thừng màu đỏ dài 3,8m x đường kính 0,6cm; 01 (Một) ống tre dài 57cm x đường kính 5,2cm; 01 (Một) mảnh áo mưa bằng ni lon màu tím, dài 75cm x 104cm (không có nhãn mác);

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 95/BB – GNVC, ngày 19/9/2019 giữa Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La);

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc các bị cáo Giàng A N, Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Giàng A B, Giàng A C, Giàng A D, Giàng A E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2019); Bị cáo Giàng A N, người bị hại anh Thào A F được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Công an huyện Phù Yên;
- Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Lương Anh